

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Số: **672** /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Nông, ngày **29** tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Quy định về việc xét sáng kiến
trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

*Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ
sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009; Luật sửa
đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật Sở hữu trí tuệ
ngày 14 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu
trí tuệ ngày 16 tháng 6 năm 2022;*

*Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính
phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 8 năm 2013 của
Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ
Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm
2012 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ
Tài chính quy định về nguồn kinh phí, nội dung và mức chi từ ngân sách
nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông tại
Tờ trình số 15/TTr-SKHHCN ngày 23 tháng 5 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc xét sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.



Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, VX, KT, NNTNMT.

02

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Trọng Yên



ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐẮK NÔNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về việc xét sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

(Kèm theo Quyết định số: 672/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2023
của UBND tỉnh Đắk Nông)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về việc xét sáng kiến và tổ chức xét công nhận sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

2. Các nội dung khác không quy định trong Quy định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến và Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01/8/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ và các văn bản có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có các hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

“Cơ sở” có quyền và trách nhiệm xét công nhận sáng kiến, bao gồm:

- Pháp nhân, tức là tổ chức đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 84 của Bộ luật Dân sự, cụ thể là: Được thành lập hợp pháp; có cơ cấu tổ chức chặt chẽ; có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó; nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập;

- Các đơn vị không có tư cách pháp nhân, nhưng có thể nhân danh chính mình tham gia quan hệ pháp luật dân sự một cách độc lập (Ví dụ như: hộ gia đình, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, doanh nghiệp tư nhân, văn phòng luật sư,...);

- Các đơn vị hạch toán kinh tế phụ thuộc pháp nhân cấp trên (Ví dụ: Các chi nhánh của doanh nghiệp, các trung tâm trực thuộc tổ chức,...) và được pháp nhân cấp trên ủy quyền, ủy nhiệm thực hiện việc công nhận sáng kiến ở đơn vị bằng văn bản hoặc quy định nội bộ (ví dụ như quy định trong quy chế về hoạt động sáng kiến ở tổ chức).

Điều 4. Nguyên tắc xét công nhận sáng kiến

1. Người đứng đầu cơ sở có trách nhiệm xét công nhận sáng kiến khi có yêu cầu công nhận của tác giả, nhóm tác giả thuộc cơ sở mình quản lý.

2. Việc xét công nhận sáng kiến phải đảm bảo tính dân chủ, khách quan, công khai, công bằng, thực chất và động viên được mọi tầng lớp nhân dân tích cực tham gia phong trào thi đua lao động sáng tạo, phát huy sáng kiến.

3. Việc xét công nhận sáng kiến được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ SÁNG KIẾN VÀ TỔ CHỨC XÉT CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Điều 5. Tác giả và đồng tác giả sáng kiến

1. Tác giả sáng kiến, đồng tác giả sáng kiến phải là những người trực tiếp hoặc cùng nhau tạo ra sáng kiến bằng chính lao động sáng tạo của mình;

2. Những người chỉ tham gia hỗ trợ, giúp việc cho tác giả trong quá trình tạo ra sáng kiến và áp dụng sáng kiến thì không được coi là đồng tác giả sáng kiến (ví dụ: Tính toán, làm thí nghiệm, mô hình, mẫu thử, vẽ kỹ thuật, gia công, chế tạo chi tiết, tìm thông tin tư liệu, đánh máy; hỗ trợ kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật).

Điều 6. Thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Trường hợp giải pháp đưa ra dưới dạng tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm pháp luật dự kiến các đối tượng áp dụng bắt buộc phải thực hiện thì tác giả, đồng tác giả phải nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến trước khi được cấp có thẩm quyền quyết định ban hành để đảm bảo tính mới theo quy định tại Điều 4 Điều lệ Sáng kiến ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và Điều 4 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

2. Việc thực hiện quyền yêu cầu công nhận sáng kiến là do tác giả, đồng tác giả tự nguyện thực hiện, không bắt buộc phải đăng ký sáng kiến ngay từ đầu năm dương lịch hoặc đầu năm học đối với các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Điều 7. Cơ sở có thẩm quyền và trách nhiệm tiếp nhận yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Cơ sở có thẩm quyền và trách nhiệm tiếp nhận yêu cầu công nhận sáng kiến là một trong các cơ sở sau đây:

a) Cơ sở là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến: Là cơ quan, tổ chức đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật dưới hình thức giao việc, thuê việc hoặc các hình thức khác cho tác giả để tạo ra sáng kiến;

b) Cơ sở được tác giả sáng kiến chuyển giao sáng kiến theo thỏa thuận giữa hai bên, với điều kiện chủ đầu tư tạo ra sáng kiến từ chối công nhận sáng kiến và không có thỏa thuận khác với tác giả sáng kiến;

c) Cơ sở được tác giả sáng kiến chuyển giao sáng kiến theo thỏa thuận giữa hai bên, trong trường hợp tác giả sáng kiến đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

2. Các cơ sở quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng quy định tại Điều 2 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

Điều 8. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến áp dụng theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

2. Mỗi đơn yêu cầu công nhận sáng kiến chỉ áp dụng cho một giải pháp. Trường hợp tác giả có nhiều giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến thì không được gộp chung nhiều giải pháp đó vào trong một đơn mà phải trình bày riêng trong từng đơn yêu cầu công nhận sáng kiến.

3. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến phải được tác giả ký và ghi rõ họ tên vào mục người nộp đơn ở trang cuối cùng của đơn; trường hợp sáng kiến có đồng tác giả thì người nộp đơn phải là một trong các đồng tác giả và phải được các đồng tác giả còn lại đồng ý nộp đơn và cùng ký xác nhận vào đơn.

4. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến bao gồm các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 5 Điều lệ Sáng kiến ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

5. Trường hợp sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật và tác giả sáng kiến chính là người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến thì tài liệu kèm theo đơn phải có thêm văn bản về việc chấp thuận công nhận sáng kiến của cấp có thẩm quyền, cụ thể:

a) Trường hợp cơ sở xét công nhận sáng kiến là cơ quan, tổ chức của Nhà nước, việc công nhận sáng kiến phải được cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của cơ sở đó chấp thuận;

b) Trường hợp cơ sở xét công nhận sáng kiến không phải là cơ quan, tổ chức của Nhà nước, việc công nhận sáng kiến phải được Sở Khoa học và Công nghệ tại địa phương nơi cơ sở đó đóng trụ sở hoặc cơ quan, tổ chức nhà nước trực tiếp thực hiện việc đầu tư tạo ra sáng kiến chấp thuận.

Điều 9. Tiếp nhận và xem xét tính hợp lệ và đánh giá đối tượng nêu trong đơn đề nghị công nhận sáng kiến

1. Cơ sở quy định tại Điều 7 của Quy định này khi nhận được yêu cầu công nhận sáng kiến có trách nhiệm tiếp nhận đơn và trao cho người nộp đơn Giấy biên nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến theo mẫu tại Phụ lục II của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

2. Trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến, cơ sở có trách nhiệm xem xét đơn và thực hiện các nội dung sau:

a) Thông báo cho tác giả sáng kiến về thiếu sót của đơn yêu cầu công nhận sáng kiến để điều chỉnh, bổ sung;

b) Thông báo cho tác giả sáng kiến về việc chấp nhận hoặc từ chối đơn.

3. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến được xem xét hợp lệ khi đáp ứng các quy định tại Điều 8 của Quy định này.

4. Việc cơ sở được yêu cầu công nhận sáng kiến chấp nhận hoặc từ chối chấp nhận đơn phải được thông báo bằng văn bản cho tác giả được biết.

5. Cơ sở tiếp nhận đơn đề nghị công nhận sáng kiến phải có trách nhiệm đánh giá đối tượng nêu trong đơn theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 Điều lệ Sáng kiến ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và Điều 4 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

Điều 10. Quyền công nhận sáng kiến, hình thức công nhận sáng kiến và thời gian tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Người đứng đầu cơ sở thành lập Hội đồng sáng kiến để đánh giá sáng kiến để làm căn cứ quyết định việc công nhận sáng kiến.

2. Thời gian tiếp nhận đơn yêu cầu xét công nhận sáng kiến ở cơ sở do cơ sở quyết định.

Điều 11. Thời hạn, trình tự xét công nhận sáng kiến

1. Việc xét công nhận sáng kiến chỉ được thực hiện sau khi đơn yêu cầu công nhận sáng kiến được chấp nhận hợp lệ; trường hợp có tranh chấp về quyền tác giả hoặc có tố cáo, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến giải pháp nêu trong đơn thì phải giải quyết xong mới tổ chức xét công nhận sáng kiến và phải thông báo cho tác giả được biết về việc này.

2. Thời hạn xét công nhận sáng kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 7 của Điều lệ Sáng kiến ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

3. Trình tự xét công nhận sáng kiến

a) Thường trực Hội đồng sáng kiến thực hiện tổng hợp, phân loại, rà soát, kiểm tra sơ bộ sáng kiến;

b) Thường trực Hội đồng sáng kiến sao gửi đơn yêu cầu công nhận sáng kiến và các tài liệu liên quan kèm theo gửi xin ý kiến các thành viên Hội đồng sáng kiến và các chuyên gia phản biện (nếu có) nghiên cứu trước khi họp Hội đồng;

c) Thường trực Hội đồng sáng kiến tổng hợp ý kiến đánh giá sáng kiến và báo cáo Hội đồng sáng kiến tổ chức họp xét, công nhận.

Điều 12. Công nhận sáng kiến và cấp Giấy chứng nhận sáng kiến

1. Kết quả xét công nhận sáng kiến được công bố công khai tại cơ quan, đơn vị sau thời hạn 05 ngày làm việc nếu không có ý kiến phản đối của cơ quan, tổ chức, cá nhân nào khác, đối với những giải pháp đủ điều kiện công nhận là sáng kiến, người đứng đầu cơ sở phải có trách nhiệm ban hành Quyết định công nhận và cấp Giấy chứng nhận sáng kiến theo quy định tại khoản 3 Điều 6 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN. Trường hợp có khiếu nại về kết quả xét sáng kiến, Hội đồng sáng kiến xem xét, đánh giá lại sáng kiến, nếu sáng kiến đạt, người đứng đầu cơ sở quyết định công nhận sáng kiến, nếu không đạt, thì thông báo và nêu rõ lý do cho tác giả sáng kiến.



2. Sáng kiến được đánh giá đạt điều kiện công nhận được cấp Quyết định công nhận sáng kiến kèm theo Giấy chứng nhận sáng kiến cho từng tác giả và đồng tác giả.

3. Giấy chứng nhận sáng kiến phải có đầy đủ các thông tin theo quy định tại khoản 2, Điều 7 của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và được làm theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

4. Cơ sở có trách nhiệm công bố, đăng tải kết quả công nhận sáng kiến trên Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử của đơn vị.

5. Sau khi có quyết định công nhận sáng kiến, đối với những sáng kiến không đạt, cơ sở có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tác giả, đồng tác giả được biết và phải nêu rõ lý do.

Điều 13. Hủy bỏ việc công nhận sáng kiến

Theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cơ sở công nhận sáng kiến có quyền hủy bỏ việc công nhận sáng kiến theo quy định tại khoản 3, Điều 9 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN và theo hướng dẫn cụ thể như sau:

1. Người đứng đầu cơ sở quyết định hủy bỏ kết quả công nhận sáng kiến trong trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp đầy đủ tài liệu minh chứng người nộp đơn yêu cầu công nhận sáng kiến không phải là tác giả sáng kiến; sáng kiến được công nhận không đáp ứng điều kiện về tính mới, không có khả năng mang lại lợi ích thiết thực và xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

2. Người đứng đầu cơ sở quyết định hủy bỏ Quyết định công nhận sáng kiến trong trường hợp sáng kiến được xác định là xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người khác.

Việc giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo giữa các bên về kết quả công nhận sáng kiến được thực hiện theo quy định tại Điều 13 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

3. Cuộc họp của Hội đồng sáng kiến cơ sở phải mời các cá nhân, đại diện các cơ quan, tổ chức có liên quan và tác giả, đồng tác giả dự họp để giải trình và thống nhất phương án xử lý và phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ ý kiến của những người dự họp và kết luận của Hội đồng.

4. Khi quyết định hủy bỏ kết quả công nhận sáng kiến, người đứng đầu cơ sở phải thu hồi và hủy bỏ Quyết định công nhận và Giấy chứng nhận sáng kiến đã cấp cho tác giả; thu hồi lại các khoản thù lao đã trả cho tác giả và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu (nếu có); thu hồi hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền thu hồi, hủy bỏ các chế độ, quyền lợi mà tác giả được hưởng từ sáng kiến đó.

Điều 14. Xét công nhận sáng kiến cho tác giả, đồng tác giả là người đứng đầu cơ sở

1. Trường hợp sáng kiến được tạo ra do nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật, nếu người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến chính là tác giả, đồng tác giả sáng kiến thì việc công nhận sáng kiến này thực hiện theo

quy định tại khoản 4, Điều 7 của Điều lệ sáng kiến ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và khoản 1, Điều 7 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

2. Hồ sơ đề nghị xét chấp thuận kết quả xét công nhận sáng kiến cho các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

3. Thời hạn xem xét chấp thuận việc công nhận sáng kiến cho các tác giả, đồng tác giả quy định tại khoản 2 Điều này áp dụng theo quy định tại khoản 3, Điều 7 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

Điều 15. Hội đồng sáng kiến

1. Người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến thành lập Hội đồng sáng kiến để đánh giá giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến làm căn cứ quyết định việc công nhận sáng kiến. Hội đồng sáng kiến được thành lập theo quy định tại Điều 8 của Điều lệ sáng kiến ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP và khoản 1, Điều 8 của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

2. Thường trực Hội đồng sáng kiến do người đứng đầu cơ sở quyết định. Nhiệm vụ của Thường trực Hội đồng sáng kiến có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý các đơn yêu cầu công nhận sáng kiến để tham mưu cho Hội đồng sáng kiến và người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến.

3. Nhiệm vụ của Hội đồng sáng kiến

a) Tổ chức đánh giá khách quan, trung thực giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến theo quy định;

b) Lập biên bản đánh giá, trong đó phản ánh đầy đủ ý kiến của các thành viên và kết quả biểu quyết sau khi kết thúc mỗi phiên họp của Hội đồng;

c) Bảo mật thông tin về các giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến theo yêu cầu của tác giả hoặc người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến;

d) Xem xét đánh giá tính mới và khả năng mang lại lợi ích thiết thực của sáng kiến theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 4 của Điều lệ Sáng kiến ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP để tham mưu cho người đứng đầu cơ sở công nhận hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét công nhận để công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi và hỗ trợ tác giả thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan;

đ) Tham mưu giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo hoặc kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động sáng kiến ở cơ sở;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của người có thẩm quyền thành lập Hội đồng sáng kiến.

4. Chế độ làm việc của Hội đồng sáng kiến

a) Phiên họp của Hội đồng chỉ được coi là hợp lệ khi có mặt ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng, trong đó phải có Chủ tịch Hội đồng; trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch chủ trì phiên họp;

b) Hội đồng làm việc theo chế độ tập thể, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ;

c) Giải pháp khi đưa ra xem xét tại phiên họp của Hội đồng được công nhận là sáng kiến khi có ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng đồng ý bằng hình thức biểu quyết hoặc phiếu đồng ý thông qua;

d) Bản sao nội dung các sáng kiến và các tài liệu liên quan phải được gửi cho các thành viên Hội đồng tối thiểu 05 ngày làm việc trước thời gian họp Hội đồng.

5. Trình tự làm việc của Hội đồng sáng kiến

a) Thư ký Hội đồng báo cáo kết quả tiếp nhận, xử lý đơn yêu cầu công nhận sáng kiến; báo cáo tóm tắt nội dung các giải pháp đề nghị công nhận sáng kiến và ý kiến đánh giá sáng kiến của các thành viên Hội đồng;

b) Các thành viên Hội đồng hoặc chuyên gia phản biện (nếu có) nhận xét đánh giá, phản biện nội dung của sáng kiến theo tiêu chí: Tính mới; khả năng nhân rộng và hiệu quả mang lại hoặc hiệu quả dự kiến có thể thu được do áp dụng sáng kiến;

c) Chủ tịch Hội đồng sáng kiến tóm tắt, kết luận nhận xét, đánh giá sáng kiến;

d) Đối với những sáng kiến yêu cầu có phản biện thì phải dựa trên kết quả phản biện, đánh giá của các chuyên gia phản biện để nhận xét, đánh giá, biểu quyết;

đ) Hội đồng tiến hành biểu quyết và Chủ tịch Hội đồng kết luận thông qua sáng kiến đủ điều kiện công nhận;

e) Thư ký Hội đồng lập và thông qua biên bản họp xét sáng kiến.

6. Nhiệm vụ của Thư ký Hội đồng

a) Ghi biên bản nội dung của từng cuộc họp Hội đồng, tổng hợp và dự thảo thông báo kết quả cuộc họp đảm bảo chính xác, kịp thời;

b) Chuẩn bị nội dung, chương trình và tài liệu cần thiết phục vụ cho các kỳ họp của Hội đồng theo chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng;

c) Gửi hồ sơ sáng kiến cho các thành viên Hội đồng để các thành viên Hội đồng biết và chuẩn bị tài liệu họp xét.

7. Hội đồng sáng kiến cơ sở được sử dụng con dấu của cơ sở để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh

1. Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp của tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn và người đứng đầu các cơ sở xét

công nhận sáng kiến trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này và tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi đơn vị quản lý phát huy tính tự chủ, sáng tạo, có nhiều sáng kiến được công nhận và áp dụng đem lại hiệu quả.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh;

b) Hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy định này của các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo kết quả hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Liên đoàn Lao động tỉnh, Tỉnh đoàn và các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn các tác giả có sáng kiến đã được cấp có thẩm quyền công nhận được tham gia các hội thi, cuộc thi về sáng tạo khoa học và công nghệ để có hình thức vinh danh, khen thưởng kịp thời.

4. Sở Nội vụ chủ trì, căn cứ vào kết quả công nhận sáng kiến của cơ sở và sáng kiến được áp dụng hiệu quả trong phạm vi cơ sở để làm căn cứ tham mưu thực hiện các quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

5. Sở Tài chính, cơ quan tài chính các huyện, thành phố và các cơ sở xét công nhận sáng kiến có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan phân bổ kinh phí và thẩm định dự toán chi cho hoạt động sáng kiến theo quy định hiện hành.

6. Hàng năm, trước ngày 15 tháng 01, các cơ quan, đơn vị, Sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm báo cáo và cung cấp thông tin về hoạt động sáng kiến của cơ quan, đơn vị mình cho Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ, số liệu báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12. Mẫu báo cáo tại Phụ lục IV ban hành kèm Thông tư số 18/2013/TT-BKH-CN.

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Các cơ quan, đơn vị, Sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố và các cơ sở có thẩm quyền xét công nhận sáng kiến trên địa bàn tỉnh rà soát các quy chế, hướng dẫn có liên quan đến hoạt động sáng kiến do cơ quan, đơn vị mình đã ban hành, kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ để phù hợp với Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /